

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /09/2025 của UBND xã Kỳ Anh)

Tên dự án	Cấp Quyết định đầu tư	Số QĐ, ngày tháng phê duyệt	Nguồn vốn	Mã dự án	Thời gian hoàn thành	Tổng mức đầu tư	Dự án hoàn thành		Dự án dở dang		Giá trị thanh toán đến 30/6/2025	Còn nợ đến ngày 30/6/2025	Tổng dự toán	Nguồn kinh phí bố trí			Ghi chú
							Giá trị quyết toán	Số QĐ, thời gian quyết toán	Khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	Thời gian nghiệm thu giai đoạn				Ngân sách cấp trên	Ngân sách xã	Huy động đóng góp người dân	
TỔNG CỘNG (I+II+III)						107.345,461	87.474,837	400,000	1.052,531	46.196,000	82.674,990	14.049,396	10.959,621	1.080,000	9.284,000	595,621	
Dự án đã hoàn thành, quyết toán						105.092,898	87.074,837	0,000	0,000	0,000	82.172,790	13.855,047	9.330,621	0,000	8.835,000	495,621	
Xã Kỳ Phú cũ						36.875,245	32.240,844	0,000	0,000	0,000	29.291,009	2.949,835	1.631,778	0,000	1.631,778		
Nhà học bộ môn 3 tầng 9 phòng trường THCS Kỳ Phú, huyện Kỳ Anh	UBND huyện cũ	2492/14/6/2021	NSX	7931466	15/9/2022	6.497.588	6.060,870	2489/15/5/2024			5.861,000	199,870	100,000		100,000		
Đường trục thôn Phú Sơn(đoạn ngã 3 đi Bãi Pheo)	UBND xã	78/26/6/2018	NSX	7702834	07/9/2018	1.316,768	849,609	288/30/12/2021			702,067	147,542	100,000		100,000		
Đường giao thông nông thôn xã Kỳ Phú (TX1) đoạn từ cổng chào thôn Phú Long đi Phú Sơn	UBND xã	29/06/4/2018	NSX	7691782	16/9/2018	5.986,526	4.976,077	299/31/12/2021			4.731,957	244,120	100,000		100,000		
Kênh nội đồng thôn Phú Minh	UBND xã	143/15/6/2021	NSX	7931467	25/12/2021	880,727	828,289	198/15/09/2022			714,375	113,914	49,000		49,000		Ngân sách xã cũ bố trí 49tr
Xây dựng đường giao thông nông thôn khu dân cư vùng Rẫy Đình thôn Phú Long xã Kỳ Phú.	UBND xã	152/21/11/2019	NSX	7902755	20/6/2022	12.100,968	10.268,962	138/06/8/2024			9.815,000	453,962	235,778		235,778		
Nhà học 2 tầng 6 phòng trường tiểu học Kỳ Phú	UBND xã	239/08/12/2022	NSX	8015954	16/7/2023	3.904,222	3.576,354	234/10/12/2024			3.039,280	537,074	363,000		363,000		Ngân sách xã cũ bố trí 363tr
Đường giao thông trục xã Kỳ Phú; Tuyến đường Dầu Phú Minh-Phú Long (kiểu mẫu của xã)	UBND xã	185/24/10/2022	NSX	7995407	20/4/2023	5.249,355	4.906,216	159/04/9/2024			4.427,330	478,886	371,000		371,000		Ngân sách xã cũ bố trí 371tr
Đường điện khu dân cư Rẫy Đình thôn Phú Long xã Kỳ Phú	UBND xã	153/16/8/2023	NSX	8134880	10/10/2023	939,091	774,467	57/30/3/2025			0,000	774,467	313,000		313,000		Ngân sách xã cũ bố trí 113 tr
Thị trấn Kỳ Đồng cũ						39.178,000	28.113,000	0,000	0,000	0,000	31.366,000	5.700,000	4.034,621	0,000	3.539,000	495,621	
Trường Mầm non Kỳ Đồng; hạng mục: Nhà học 2 tầng 8 phòng	UBND xã			7805252	09/2019-07/2021	8.145,000	8.132,000				7.917,000	215,000	150,000		150,000		
Cải tạo vỉa hè, mương thoát nước tuyến đường Đồng Phú	UBND xã			7984448		6.706,000	5.899,000				5.570,000	329,000	250,000		250,000		
Trường tiểu học Kỳ Đồng; hạng mục: hạng mục: Nhà học 3 tầng 12 phòng	UBND xã			7984450		7.500,000	7.309,000				6.777,000	532,000	300,000		300,000		
Hạ tầng khu dân cư thôn Đồng Phú năm 2022 (Giai đoạn 2)	UBND xã			7984449	9/2022-12/2022	548,000	548,000				311,000	237,000	100,000		100,000		
Cải tạo sân, đường, hệ thống thoát nước Trường Nguyễn Trọng Bình	UBND xã			8101210	4/2024-7/2024	168,000	168,000				0,000	168,000	100,000		100,000		
Đường GTNT xã Kỳ Đồng năm 2024. Hạng mục: Đường ngõ xóm, đường nội đồng	UBND xã			8126379	8/2024 -12/2024	517,000	217,000				132,000	85,000	85,000		85,000		Ngân sách xã cũ bố trí 85tr
Kênh nội đồng xã Kỳ Đồng. Hạng mục: Kênh nội đồng thôn Yên Sơn	UBND xã			8126380	11/2024-12/2025	72,000	27,000				16,000	11,000	11,000		11,000		Ngân sách xã cũ bố trí 11 tr
Nâng cấp tu sửa 2 dãy nhà học Trường tiểu học Kỳ Đồng	UBND xã			8122638	11/2024-12/2024	664,000	616,000				450,000	166,000	100,000		100,000		
Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND xã Kỳ Đồng và các hạng mục phụ trợ khác	UBND xã			8122637	12/2024-2/2025	499,000	352,000				259,000	93,000	93,000		93,000		Ngân sách xã cũ bố trí 93tr
Kênh N0-13 thôn Hồ Văn Giang, xã Kỳ Đồng năm 2024	UBND xã			8122648	11/2024-2/2025	901,000	858,000				353,000	505,000	300,000		300,000		
Phục hồi mặt đường BTXM các tuyến đường trục thôn và ngõ xóm xã Kỳ Đồng năm 2024	UBND xã			8112817	12/2024-2/25025	3.054,000	2.616,000				1.326,000	1.290,000	1.095,621		600,000	495,621	Ngân sách xã cũ bố trí 795.621 tr
Trường Tiểu học Kỳ Đồng; hạng mục nhà học 2 tầng 8 phòng	UBND xã				2011-2012	1.416,000	1.371,000				1.111,000	225,000	100,000		100,000		
Trường THCS Giang Đông; hạng mục nhà học 4 tầng 16 phòng	UBND xã			8018526	2/2023-8/2024	8.988,000					7.144,000	1.844,000	1.350,000		1.350,000		Ngân sách xã cũ bố trí 546tr
Xã Kỳ Giang cũ						15.321,839	14.201,786	0,000	0,000	0,000	12.465,750	1.736,036	1.100,000	0,000	1.100,000		
Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ xã Kỳ Giang	UBND xã	Số 131; ngày 8/9/2021		7927748	2021	1.982,461	1.794,218	Đã quyết toán; QĐ số 193; 20/11/2024			1.600,000	194,218	100,000		100,000		
Cầu Tân Khê(Bắc qua kênh sông rác, xã Kỳ Giang, huyện Kỳ Anh	UBND xã	Số 5309; ngày 26/10/2017;2725; 25/5/2021		7910998	8/2021-10/2021	3.870,937	3.416,417	Nợ theo số liệu bản giao HS chưa quyết toán do đơn vị thi công chưa phối hợp hoàn thiện hồ sơ			3.210,000	206,417	100,000		100,000		

Tên dự án	Cấp Quyết định đầu tư	Số QĐ, ngày tháng phê duyệt	Nguồn vốn	Mã dự án	Thời gian hoàn thành	Tổng mức đầu tư	Dự án hoàn thành		Dự án dở dang		Giá trị thanh toán đến 30/6/2025	Còn nợ đến ngày 30/06/2025	Tổng dự toán	Nguồn kinh phí bố trí			Ghi chú
							Giá trị quyết toán	Số QĐ, thời gian quyết toán	Khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	Thời gian nghiệm thu giai đoạn				Ngân sách cấp trên	Ngân sách xã	Huy động đóng góp người dân	
Khu vui chơi người già và trẻ em	UBND xã	Số 71; ngày 14/4/2022		7967624	2022-2023	792,919	753,040	Đã quyết toán; QĐ số 246; 26/12/2024			600,000	153,040	100,000		100,000		
Xây dựng tuyến đường mẫu kết nối du lịch sinh thái từ thôn Tân Đình đến Hồ Mạc Khê	UBND xã	Số 185; ngày 10/11/2022		8003286	11/2022-2023	5.000,000	4.887,313	Đã quyết toán; QĐ số 208; 2/12/2024			4.615,000	272,313	150,000		150,000		
Trường Mầm non xã Kỳ Giang; hạng mục: bể chứa nước PCCC	UBND xã	Số 09; ngày 25/1/2023		8042038	20/4/2023-5/6/2023	348,420	280,141	Đã quyết toán; QĐ số 243; 26/12/2024			150,000	130,141	100,000		100,000		
Nhà văn hóa thôn Tân Phong	UBND xã	Số 206; ngày 21/12/2023.		8062394	2024	2.100,000	1.996,885	Đã quyết toán; QĐ số 67; 20/5/2025			1.814,700	182,185	150,000		150,000		
Đường giao thông thôn Tân Đình (công trình ngõ cáng)	UBND xã	Số 24; ngày 19/3/2023.		8119921	2024	1.227,102	1.073,772	Đã quyết toán; QĐ số 66; 20/5/2025			476,050	597,722	400,000		400,000		
Xã Kỳ Tiến cũ						13.717,814	12.519,207	0,000	0,000	0,000	9.050,031	3.469,176	1.700,000	0,000	1.700,000		
Nhà quản trị 2 tầng trường THCS Kỳ Tiến	UBND xã			8026485		3.319,000	3.319,000				2.670,279	648,721	300,000		300,000		
Đường điện chiếu sáng qua TTHC.	UBND xã			7925406	2021	1.069,180	1.069,180				666,786	402,394	200,000		200,000		
Đường GTNT Tuyến đường Trục xã (Cổng chào xã đến Bình Lợi)	UBND xã	Số 246/QĐ-UBND, ngày 16/11/2022		7994103	2022	3.845,220	3.546,164	Số 139/QĐ-UBND, ngày 13/9/2024			3.311,370	234,794	100,000		100,000		
Đường GTNT thôn Minh Tiến (Đoạn nhà Anh Văn Đến Anh Đắc)	UBND xã			7990468	2022	1.136,948	985,413				403,925	581,488	300,000		300,000		
Nhà hành chính quản trị Trường Tiểu học Kỳ Tiến	UBND xã	Số 86/QĐ-UBND, ngày 6/7/2023		8086458	2024	3.607,000	3.055,063	Số 140/QĐ-UBND, ngày 27/5/2025			1.997,671	1.057,392	500,000		500,000		
Nhà vệ sinh UBND xã	UBND xã	Số 147/QĐ-UBND, ngày 25/12/2023		8129230	2023	740,466	544,386	Số 128/QĐ-UBND, ngày 12/5/2025			0,000	544,386	300,000		300,000		Ngân sách xã cũ đã bố trí 200tr
Chi sửa chữa nhỏ đã thực hiện 6 tháng đầu năm của các đơn vị cấp xã cũ	Cấp xã				2024-2025								864,222		864,222		
Dự án chuyển tiếp						735,563	0,000	0,000	652,531	45.796,000	502,200	194,349	188,000	0,000	88,000	100,000	
Tu bổ, tôn tạo Đền thờ Dương Trí Tri	UBND xã	351/18/12/2024	N SX	8140914	30/6/2025	735,563			652,531	05/19/2025	502,200	194,349	188,000	0,000	88,000	100,000	Huy động đóng góp người dân 100tr
Dự án khởi công mới						1.517,000	400,000	400,000	400,000	400,000	0,000	0,000	1.441,000	1.080,000	361,000		
Kênh N-013 thôn Hồ Văn Giang (giai đoạn 2)	UBND xã				2025	461,000						0,000	461,000	400,000	61,000		Đã có nguồn từ đất trồng lúa năm 2025 400tr, hồ sơ đã hoàn thành, hợp đồng đã ký
Sân khấu hoạt động ngoài trời Trường THCS Nguyễn Trọng Bình	UBND xã				2025	400,000	400,000	400,000	400,000	400,000		0,000	300,000		300,000		Hồ sơ đã hoàn thành, hợp đồng đã ký
Tuyến kênh từ Kênh chính N1 Sông rác - Đường 551 thôn Tân Thành	UBND xã				2025	656,000							680,000	680,000			Nguồn hỗ trợ đất trồng lúa năm 2025 (vượt 24tr) Hồ sơ đã hoàn thành, hợp đồng đã ký

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KỶ ANH